

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45 /2014/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 04 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh và đặt tên đường

tại các phường của thành phố Huế đợt VII, năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 5
	Ngày: 04.8

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hoá Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân tỉnh về việc điều chỉnh và đặt tên đường tại các phường của thành phố Huế (đợt VII);

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh và đặt tên đường tại các phường của thành phố Huế (đợt VII) năm 2014 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế chủ trì, phối hợp với các cơ quan triển khai các thủ tục liên quan đến công tác quản lý hành chính, quản lý đô thị đối với các tuyến đường được điều chỉnh và đặt tên tại Điều 1 theo quy định hiện hành.

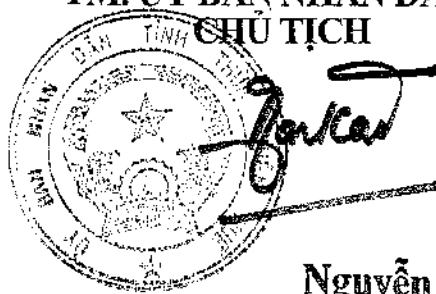
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc các sở: Giao thông Vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường có đường được điều chỉnh và đặt tên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục kiểm tra VBQPPL- Bộ TP;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- Công TTĐT CP;
- CT và PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- VP: PCVP, Công TTĐT và các CV;
- Lưu: VT, VH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Cao



DANH SÁCH
ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG TẠI CÁC PHƯỜNG CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (NĂM 2014)

(Kèm theo Quyết định số: **45** /2014/QĐ-UBND ngày **04 tháng 8** năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. ĐIỀU CHỈNH CHIỀU DÀI

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối (cũ)	Điểm cuối (mới)	Vị trí	Dài (m)	Rộng		Loại mặt đường
							Nền	Mặt đường	
01	Hà Huy Tập	Đường Dương Văn An	Giáp đường Tổ Hữu	Đường Trường Chinh	P. Xuân Phú	540	21	15	BT nhựa
02	Tổ Hữu	Ngã tư Tôn Đức Thắng	Giáp sông Phát Lát	Đường Thủy Dương-Thuận An	P. Phú Hội và Xuân Phú	2.300	60	15	BT nhựa
03	Đinh Tiên Hoàng	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Kho	Cửa Hậu	P. Phú Hòa, Thuận Thành và Thuận Lộc	2.499	13,5	7,5	BT nhựa
04	Cao Bá Quát	Đường Chi Lăng	Đường Nguyễn Chi Thanh	Đường Phùng Khắc Khoan	P. Phú Hiệp	1.187	12	7	BT nhựa
05	Trần Quý Khoáng	Đường Đặng Tất	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Tân Đà	P. Hương Sơ	1.650	7	4	BT xi măng
06	Nguyệt Biều	Đường Bùi Thị Xuân	Miếu cây Sen	Đập Trung Thượng	P. Thủy Biều	1.670	7	4	BT xi măng

II. ĐIỀU CHỈNH ĐIỂM ĐẦU

Stt	Tên đường	Điểm đầu (cũ)	Điểm đầu (mới)	Điểm cuối	Vị trí	Dài (m)	Rộng		Loại mặt đường
							Nền	Mặt đường	
01	Đường Trần Quang Long	Đường Phùng Khắc Khoan	Đường Cao Bá Quát	Khu định cư Phường Phú Hiệp	P. Phú Hiệp	260	10	5	BT nhựa

III. ĐẶT TÊN ĐƯỜNG

Stt	Tên đường cũ	Điểm đầu	Điểm cuối	Vị trí	Dài (m)	Rộng		Loại mặt đường	Đặt tên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	Nền	Mặt đường	(9)	(10)
A. KHU QUY HOẠCH AN CỰU CITY									
01	Đường 100m	Khu An Cựu City	Tỉnh lộ 10A	P. An Đông, Xuân Phú, Phú Thượng (P. Vang)	2.000	100	60	BT nhựa	Võ Nguyên Giáp
B. KHU QUY HOẠCH QUỐC LỘ IA TỰ ĐỨC - THỦY DƯƠNG, THỦY DƯƠNG - THUẬN AN									
02	Đường Tự Đức - Thủy Dương	Cầu vượt Thủy Dương	Cầu Lim 2	P. Thủy Xuân, P. An Tây (TP Huế), P. Thủy Dương (TX Hương Thủy)	5.000	36	26	BT nhựa	Võ Văn Kiệt

B. KHU TÁI ĐỊNH CƯ XÓM HÀNH VÀ KHU VỰC PHƯỜNG AN TÂY

03	Đường số 4 khu tái định cư Xóm Hành	Đường Tự Đức - Thủy Dương	Trường tiểu học Huyền Trân	P. An Tây	448	17	10,5	BT nhựa	Trần Đại Nghĩa
04	Đường đôi ông Cẩn	Thiên Thai	Giáp xã Thủy Bằng	P. An Tây	1.600	11,5	7	BT nhựa	Châu Chữ

C. KHU QUÝ HOẠCH HÙNG VƯƠNG - BÀ TRIỆU

05	Đường phía sau siêu thị Big C	Đường Hùng Vương	Đường Tôn Đức Thắng	P. Phú Nhuận	240	14	7	BT nhựa	Phong Châu
06	Đường bên cạnh Trung tâm Thể thao tỉnh	Đường Hà Huy Tập	Đường Trần Văn Ôn	P. Xuân Phú	500	14	7	BT nhựa	Bùi San

D. KHU QUÝ HOẠCH NAM VỸ DÀ

07	Khu quy hoạch Vỹ Dạ 7	Đường Phạm Văn Đồng	Đường trước Bệnh viện Mắt	P. Vỹ Dạ	200	12	6	BT nhựa	Kim Liên
08	Khu QH Vỹ Dạ 10	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Tùng Thiện Vương	P. Vỹ Dạ	300	12	6	BT nhựa	Hồng Kháng
09	Đường số 1 KQH Tùng Thiện Vương	Đường Tùng Thiện Vương	Hỏi Mộc Hàn	P. Vỹ Dạ	140	12	6	BT nhựa	Cao Xuân Huy
10	Đường dọc hói Mộc Hàn	Đường Tuy Lý Vương	Hỏi Mộc Hàn	P. Vỹ Dạ	300	12	6	BT nhựa	Ứng Trí
11	Đường số 3 KQH Tùng Thiện Vương	Đường Phạm Văn Đồng	Khu dân cư	P. Vỹ Dạ	600	12	6	BT nhựa	Nguyễn Minh Vỹ

D. KHU QUÝ HOẠCH TRƯỜNG BIA

12	Đường số 1 KQH	Đường Hồ Đắc Di	Điểm xanh KQH	P. An Cựu	500	12	6	BT nhựa	Tôn Thất Dương Ky
13	Đường số 2 KQH	D. Hồ Đắc Di	Đường nối số 1	P. An Cựu	300	12	6	BT nhựa	Nguyễn Hữu Định
14	Đường số 3 KQH	Đường số 1	Đường QH	P. An Cựu	300	12	6	BT nhựa	Nguyễn Hữu Ba

